

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2021/DS-ST**
Ngày 22 tháng 10 năm 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn
Ông Lâm Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 11/2021/TLST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2021/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2021, các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2021/QĐST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty C; địa chỉ trụ sở: Số XX, đường Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoài T1; địa chỉ: YY, đường N, KDC P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2020

Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Phạm Hoài T1 trình bày:

Trước đây, Công ty C có cho ông Phan Văn T vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 20191126-9903117 ngày 26/11/2019, số tiền vay là 43.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất vay: 5%/tháng.

Theo thỏa thuận hợp đồng ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 96.295.441 đồng (gồm cả vốn gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, trong đó 35 tháng đầu mỗi tháng ông T trả 2.598.682 đồng, tháng cuối cùng trả 5.073.586 đồng, bắt đầu từ ngày 05/01/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản của hợp đồng, cụ thể là sau khi ký hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Công ty được 03 lần số tiền là 5.740.000 đồng, từ ngày 16/3/2020 đến nay ông T không thực hiện nghĩa vụ với bên cho vay.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, Công ty C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn T phải trả số tiền 90.555.441 đồng (bao gồm nợ gốc là 42.080.202 đồng, nợ lãi 48.475.239 đồng). Đến trước ngày mở phiên tòa, ông Phạm Hoài T1 đại diện nguyên đơn có cung cấp bản tự khai, bảng tính lãi, đã xác định lại số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả có sự thay đổi là 79.215.531 đồng, trong đó vốn gốc 42.080.202 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 37.135.329 đồng.

Đối với bị đơn là ông Phan Văn T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 79.215.531 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Phan Văn T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, ông Phạm Hoài Thịnh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn, về việc giảm số tiền yêu cầu bị đơn phải trả, vì có điều chỉnh tính lại khoản tiền lãi đến ngày xét xử nên có giảm xuống, xét thấy việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty C, xét thấy hợp đồng tín dụng số 20191126-9903117 lập ngày 26/11/2019 giữa Công ty C với ông T đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là Công ty C với bên vay là ông T; các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện với nhu cầu lợi nhuận của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên

phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là Công ty C đã giải ngân, bên vay là ông T đã nhận đủ số tiền vay, như vậy Công ty C đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng; việc ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận; do vậy việc khởi kiện của Công ty C yêu cầu buộc ông T thanh toán nợ của hợp đồng với tổng số tiền là 79.215.531 đồng (gồm nợ gốc 42.080.202 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 37.135.329 đồng) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 7, 8 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty C số tiền nợ gốc là 42.080.202 đồng và nợ lãi là 37.135.329 đồng, tổng cộng là 79.215.531 đồng (*bảy mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn năm trăm ba mươi một đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phan Văn T phải chịu 3.960.777 đồng (*ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*); Công ty C không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.264.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008774 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu